TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DSST
Ngày: 22-7-2026
"V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Lành

Ông Nguyễn Bá Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 280/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Năm K. Địa chỉ: tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị K1, sinh ngày 10/10/1983. Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Thanh N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (văn bản uỷ quyền ngày 10/12/2025). (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ D, ấp T (trước đây là ấp T), xã T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn là bà Huỳnh Thị K1 là người đại diện theo pháp luật của H kinh doanh Năm K trình bày như sau:

Do quen biết nên ông Q thường xuyên mua bán vật tư nông nghiệp với bà K để phục vụ cho việc trồng hoa màu. Tất cả các lần mua bán với nhau bà K đều có ghi sổ sách rõ ràng thể hiện đầy đủ thời gian, số lượng chủng loại hàng hóa và số

tiền còn nợ. Tuy nhiên, trong quá trình canh tác ông Q nhiều lần thua lỗ không thanh toán được các khoản nợ với bà K cho nên ngày 26/5/2022 tại Hộ kinh doanh Năm Kim ở tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long giữa bà K và ông Q đã kí giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 87.000.000 đồng; thỏa thuận ông Q trả hàng tháng 5.000.000 đồng từ ngày 26/6/2022 và nếu như có tiền thì sẽ trả hết 01 lần.

Tuy nhiên, sau đó ông Q chỉ thanh toán được 03 đợt: ngày 04/7/2022 trả 5.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản; ngày 30/7/2022 trả 5.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản và ngày 31/8/2022 trả 5.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản. Bà K đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Q trả số tiền còn lại là 72.000.000 đồng nhưng ông Q cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà K làm đơn khởi kiện đến TAND khu vực 3 - Vĩnh Long, yêu cầu ông Q trả số tiền 72.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

- Bị đơn ông Trần Văn Q đã được Tòa án tống đạt thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Q không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp văn bản ghi ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, ông Q vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải vào các lần được triệu tập vào ngày 10/3/2026.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà K là ông Đào Thanh N có ý kiến vắng mặt phiên tòa, không bổ sung ý kiến gì khác và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày: yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q phải thanh toán cho H kinh doanh Năm Kim số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng ông Q vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là H kinh doanh Năm K. Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Kim .

Buộc bị đơn ông Trần Văn Q phải thanh toán cho H kinh doanh Năm Kim số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 72.000.000 đồng. Buộc bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000 đồng.

Hộ kinh doanh Năm K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho hộ kinh doanh Năm K số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số N_0 0000835 nộp ngày 12/01/2026 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long được Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp là hợp đồng mua bán được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh N:

Xét ông Q có mua bán vật tư nông nghiệp với Hộ kinh doanh N2, và nợ H kinh doanh Năm K số tiền 72.000.000 đồng là có thật căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2022 do người đại diện theo pháp luật là bà Kim giao N1 có chữ ký tên của ông Q. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án ông Q được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà K nhưng không có ý kiến hoặc phản bác đối với yêu cầu này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó bà K yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền còn nợ là 72.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.2] Xét về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của H kinh doanh Năm K là bà K không yêu cầu tính tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà K không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh Năm K. Buộc ông Trần Văn Q phải trả cho H kinh doanh Năm K số tiền là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Hộ kinh doanh Năm K không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 36, quyền yêu cầu thi hành án theo Điều 34, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2026.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn Q phải chịu 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ kinh doanh Năm K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số N_0 0000835 nộp ngày 12/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT Vĩnh Long;
- VKS KV3 -VL;
- THA DS TVL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hùng